

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 02 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngo Thi Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải lý

2. Ông Lương Ngọc Biên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Bà Nguyễn Thị

Quỳnh Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* *Bi đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:** Chị và anh H kết hôn ngày 28/11/2017, trước khi cưới hai vợ chồng có thời gian yêu nhau, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Sau khi cưới vợ chồng chị về nhà anh Hải sinh sống và làm ăn ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 04/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế, vợ chồng hai cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh H thường xuyên bỏ đi không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 05/2020 đến nay. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 15/6/2018, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H vì giữa chị và anh H không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 10/2019 do anh H chời bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều người đến đòi tiền anh H, hiện anh H đi làm ăn ngoài Hà Nội, địa chỉ cụ thể chị không rõ, mọi thông tin anh H liên lạc với bố mẹ anh H và thỉnh thoảng anh H có về nhà nhưng chị không gặp. Từ tháng 4/2020 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh H vẫn chơi bời không quan tâm gì đến vợ con, gia đình hai bên có khuyên giải nhưng anh H không thay đổi, chị đã về nhà bố mẹ để chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, hiện tại chị đang làm ăn tự do, thu nhập mỗi tháng từ 5 triệu đến 6 triệu, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

*** Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn H trình bày:** Anh và chị L kết hôn ngày 28/11/2017, trước khi cưới hai vợ chồng có thời gian yêu nhau, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thỉnh thoảng cãi nhau rồi lại hòa thuận. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là đến tháng 3/2020, vợ chồng cãi nhau chị L bỏ về nhà bố mẹ để sống, sau đó lại quay lại chung sống cùng anh, đến tháng 5/2020 chị L lại bỏ về nhà bố mẹ để sống từ đó không quay lại chung sống cùng anh nữa, vợ chồng ly thân từ đó. Anh đã nhiều lần động viên chị L về đoàn tụ nhưng chị L không nghe. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 15/6/2018, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn Th, trưởng thôn N, biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị H, là mẹ anh H và ông Nguyễn Văn G là bố chị L cung cấp: Chị L và anh H lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống chị L và anh H có phát sinh mâu thuẫn nhỏ, có cãi nhau rồi lại làm lành, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, do anh H

không biết làm ăn. Từ tháng 5/2020, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống không sống cùng anh H, vợ chồng sống ly thân từ đó.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 28/01/2021, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 15/6/2018. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 28/11/2017 cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa L và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu hôn nhân cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh H không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình đến tháng 4 năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã về nhà mẹ đẻ chị L ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H. Còn anh H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn

còn tình cảm với chị L, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng anh H đều không có mặt để tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại các phiên tòa xét xử, mặt khác trong thời gian chị L bỏ về nhà mẹ đẻ chị L ở anh H cũng không đến động viên và đón chị L về chung sống. Như vậy, xác định anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 15/6/2018, hiện cháu Đ đang sống cùng với chị L. Chị L và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con, nhưng hiện tại cháu Đ còn bé, chưa đủ ba tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ, để cuộc sống của cháu Đ được chăm sóc ổn định, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cả cháu Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 15/6/2018 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không yêu cầu.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0004396 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã Trí Yên;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo